

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09/05/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thùy Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Lữ Kim Hằng**

2/ Bà **Đặng Thị Lan.**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phạm Thái Học**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Trần Văn Sơn**, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 334/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa sơ thẩm số 37/TB-TA ngày 27 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm: 1993

HKTT và nơi cư trú: tổ 3, ấp 8, xã X T, huyện C M, tỉnh Đ N.

- *Bị đơn:* Anh Từ Xuân L, sinh năm: 1990

HKTT và nơi cư trú: tổ 2, ấp 11, xã X T, huyện C M, tỉnh Đ N.

- *Người làm chứng:* Bà Trần Thị C1, sinh năm: 1967

HKTT và nơi cư trú: tổ 3, ấp 8, xã X T, huyện C M, tỉnh Đ N.

(Chị C, anh L và bà C1 vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản đối chất và biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc C trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện, chị Nguyễn Thị Ngọc C và anh Từ Xuân L tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã X T, huyện C M, tỉnh Đ N ngày 28/3/2019. Đây là hôn nhân lần đầu của cả hai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc

đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong việc chăm sóc con cái, thường xuyên cãi vã trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày. Ngoài ra, anh L thường có những lời nói xúc phạm chị, cũng như có thái độ không tôn trọng ba mẹ chị và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2021. Nay nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hòa giải đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Từ Ngọc Thanh T, sinh ngày 28/02/2021, hiện cháu đang ở cùng chị C. Nay chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị C trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai, biên bản đối chất và biên bản hòa giải, bị đơn anh Từ Xuân L trình bày: Anh L thống nhất với trình bày của chị C về quá trình hôn nhân. Tuy nhiên, về mâu thuẫn vợ chồng thì anh L khai rằng quá trình chung sống vợ chồng không thống nhất được về việc chăm sóc cho con cái, bản thân anh L cũng có mâu thuẫn với gia đình vợ xuất phát từ chuyện chăm sóc con, nhưng anh vẫn chăm lo kinh tế gia đình và quan tâm vợ con. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chỉ là những việc nhỏ nhặt, cãi vã trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày. Anh đã nhiều lần đến nói chuyện khuyên chị C để vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị C vẫn không đồng ý. Nay chị C yêu cầu ly hôn, nhưng anh vẫn còn yêu thương và muốn hàn gắn gia đình nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Từ Ngọc Thanh T, sinh ngày 28/02/2021. Trong trường hợp ly hôn, anh L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có số vàng cưới là 1,2 cây vàng 9999 do chị C đang giữ, vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh L trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo lời khai của người làm chứng bà Trần Thị C1 trình bày:

Bà là mẹ ruột của chị C. Sau khi kết hôn, chị C và anh L thuê nhà trọ sinh sống và làm việc tại B D. Quá trình chung sống nhiều lần chị C tâm sự với bà là giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Đến tháng 02/2021, bà có nói chuyện và được gia đình anh L đồng ý để chị C về sống chung cùng gia đình bà để tiện việc sinh con cũng như chăm sóc cho mẹ con chị C. Sau khi sinh con được 08 tháng thì chị C gửi con cho bà chăm sóc để tiếp tục đi làm tại B D, cũng từ đó giữa hai vợ chồng chị C và anh L xảy ra cãi vã mâu thuẫn nguyên nhân từ việc chăm sóc con cái, anh L dùng lời lẽ chửi bới chị C và có thái độ không tôn trọng người lớn trong gia đình. Từ tháng 12/2021 thì chị C, anh L sống ly thân và bà là người phụ giúp cho chị C chăm sóc con cái khi đi làm.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng đã chấp hành pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Về đường lối giải quyết: áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Ngọc C ly hôn anh Từ Xuân L; về con chung: giao cháu Từ Ngọc Thanh T, sinh ngày 28/02/2021 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh L; về tài sản chung và nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí sơ thẩm: theo quy định pháp luật.

Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Ngọc C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con với anh Từ Xuân L. Anh L có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại tổ 2, ấp 11, xã X T, huyện C M, tỉnh Đ N. Nên căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa sơ thẩm, nhưng chị C và anh L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc C và anh Từ Xuân L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X T, huyện C M, tỉnh Đ N theo giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 28/3/2019 nên xác định là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống, theo chị C thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong việc chăm sóc con cái và thường xuyên cãi vã trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày. Anh L thường có những lời

nói xúc phạm chị cũng như có thái độ không tôn trọng ba mẹ chị và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2021. Anh L thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng không thống nhất được về việc chăm sóc con, bản thân anh cũng mâu thuẫn với gia đình chị C về việc chăm sóc con. Tuy nhiên, mâu thuẫn phát sinh không lớn, chỉ là những việc nhỏ nhặt, anh vẫn chăm lo kinh tế gia đình, vẫn còn tình cảm và yêu thương vợ con nên muốn hàn gắn và không đồng ý ly hôn.

Từ lời trình bày của anh chị và lời khai của người làm chứng, Hội đồng xét xử nhận định tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh chị đã sống ly thân và đã nhiều lần tự hòa giải cũng như được Tòa án hòa giải nhưng cũng không thể hàn gắn đoàn tụ. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị C là có cơ sở nên chấp nhận.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc C và anh Từ Xuân L đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Từ Ngọc Thanh T, sinh ngày 28/02/2021 và không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét thấy, chị Châu có việc làm, thu nhập và nơi cư trú ổn định, trong việc chăm sóc cháu Từ Ngọc Thanh T còn có sự phụ giúp của gia đình chị C. Đồng thời, đến nay cháu T chưa đủ 36 tháng tuổi nên giao cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị C không yêu cầu, nên tạm thời anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị C khai không có, anh L khai có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị C và anh L đều khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc C được ly hôn với anh Từ Xuân L.

2. Về con chung: Giao cháu Từ Ngọc Thanh T, sinh ngày 28/02/2021 cho chị Nguyễn Thị Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh Từ Xuân L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không ai yêu cầu, nên không xem xét giải quyết

4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có và không ai yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc C phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị C đã nộp sang án phí theo biên lai thu tiền số 0000877 ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Chị C đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã Xuân Tây, h Cẩm Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Trương Thị Thùy Trang